972 - User Story - Tích hp HRIS - BPM1

	Nghip v		IT	
	Ngi lp	Ngi duyt	Ngi lp	Ngi duyt
Tên, Chc danh	Nguyn Thanh Vân	V Th M		
Tài khon email/MS team	vannt4	movt2		
Chc danh	Business Analyst (BA)	Business (BA BIZ)		
Ngày ký				
Jira Link				

BPMKVH-972 - Jira project doesn't exist or you don't have permission to view it.

1. Card (Mô t tính nng)

Là admin h thng, tôi mun h thng tích hp các thông tin nhân s ly t HRIS phc v cho phân quyn và o lng OLA/SLA

- Thông tin nhân viên ca tp oàn
- Thông tin c cu t chc tp oàn & các n v thành viên
- Thông tin ca, thi gian làm vic

2. Confirmation/ Acceptance Criteria (Tiêu chí nghim thu)

1. Tôi mun cu hình c tn sut cp nht theo thi gian
2. Tôi mun ch ng cp nht th công c thông tin khi có nhu cu
3. Tôi mun qun lý c lch s ng b
    a. Thi gian bt u
    b. Thi gian kt thúc
    c. Ngi ng b
    d. Trng thái
    e. Mã li
    f. Mô t li
4. Tôi mun lc c thông tin lch s ng b theo
    a. Ngày: T- n
    b. Ngi ng b
    c. Trng thái
    d. Mã li
5. Phân quyn: Vi nhng ngi có quyn xem danh mc thì s có quyn full liên quan n danh mc bao gm c Cu hình và ng b ngay
6. Phm vi d liu:
    - Danh sách cbnv thuc tp oàn và các n v thành viên (tr MSB)
    - Ly c công vic chính và công vic ph (kiêm nhim, iu ng)
    - Ch ly ngi ti công ty gc
7. Thông tin các trng d liu

STT	Thông tin d liu	Mô t	Ghi chú
1	Mã nhân viên	Mã duy nht cho tng nhân viên	Mã NV Hris 6 ch s
2	Tên nhân viên	Ly thông tin Tên nhân viên (Ct Name) HRIS tr v	Full name trên HRIS
3	Email	Dùng ng nhp vào và nhn thông báo t h thng	Email
4	Công vic chính /ph	Th hin công vic ti 1 công ty là chính hay ph (kiêm nhim/iu ng)	Trên HRIS: P - Chính, S - Ph (B sung)
5	Mã chc danh	Mã chc danh xác nh vai trò ca nhân viên trong c cu t chc	Mã chc danh HRIS
6	Chc danh	Dùng xác nh vai trò trong quy trình và phân quyn theo chc danh/ vai trò	Chc danh HRIS
7	Phòng/ ban	Dùng phân quyn và iu hng lung trong quy trình	Tên phòng ban mà CBNV ó ang ng
8	Mã phòng /ban	Mã phòng ban	Mã phòng ban tng ng

9	n v cp 1	Dùng phân quyn và iu hng lung trong quy trình	Tên n v cp 1
10	Mã n v cp 1		Mã n v cp 1
11	n v cp 2	Dùng phân quyn và iu hng lung trong quy trình	Tên n v cp 2
12	Mã n v cp 2		Mã n v cp 2
13	n v cp 3	Dùng phân quyn và iu hng lung trong quy trình	Tên n v cp 3
14	Mã n v cp 3		Mã n v cp 3
15	n v cp 4	Dùng phân quyn và iu hng lung trong quy trình	Tên n v cp 4
16	Mã n v cp 4		Mã n v cp 4
17	n v cp 5	Dùng phân quyn và iu hng lung trong quy trình	Tên n v cp 5
18	Mã n v cp 5		Mã n v cp 5
19	Trng thái nhân s	xác nh trng thái hot ng ca nhân s/ account trên h thng	Trng thái ang làm vic, ngh vic ca nhân s
20	Ca làm vic	Ly mã ca làm vic	Ly thông tin mã ca ti HRIS và cu hình thông tin thi gian làm vic trc tip ti BPM theo thông tin tr v ti file excel ca HRIS (ã thng nht li gia PO vs anh Dung vì tn sut thay i thi gian ca làm vic không nhiu nên BPM ch ng khai báo) Trng hp vi nhân viên có các công vic ph, thông tin mã ca làm vic c ly theo **công vic chính** và **active** (Vi trng hp mt nhân viên có nhiu công vic chính thì ly ngu nhiên theo mt công vic chính ca nhân viên ó)

3. Conversation (Mô t chi tit)

3.1. UI/UX

3.1.1. Màn hình **Tích hp HRIS**

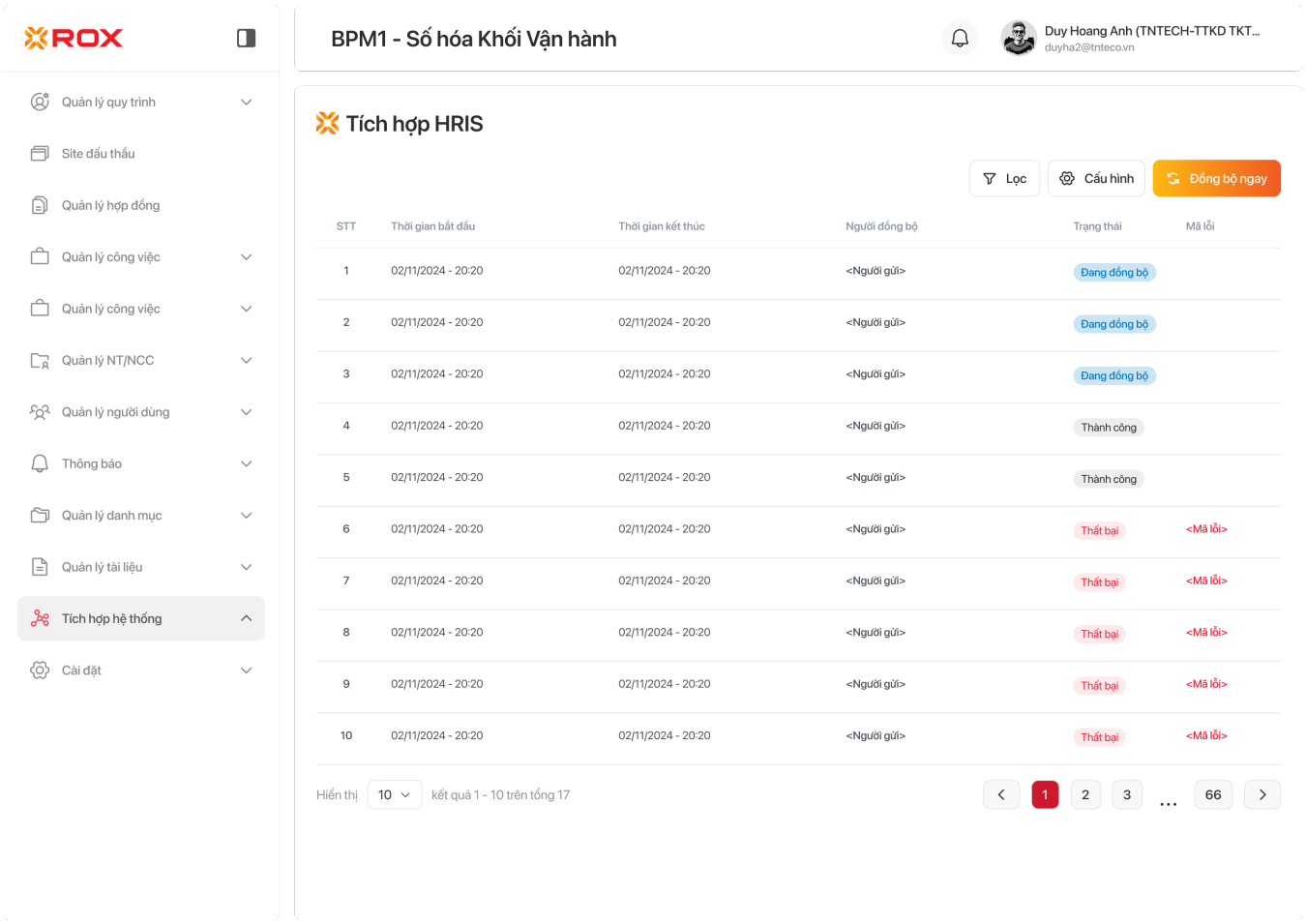

3.1.2. Màn hình pop-up **B lc**

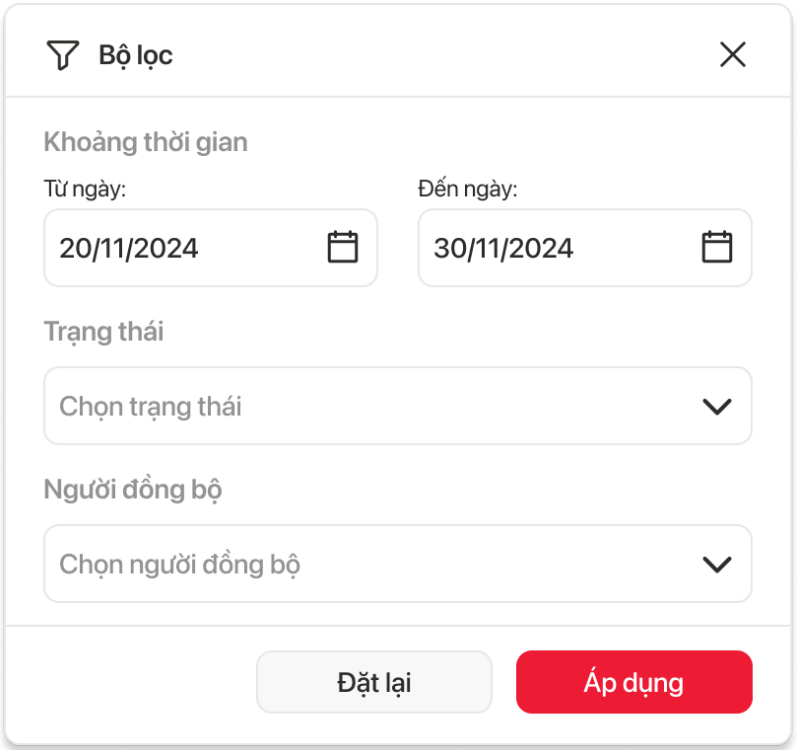

3.1.3. Màn hình pop-up **Cu hình tích hp HRIS**

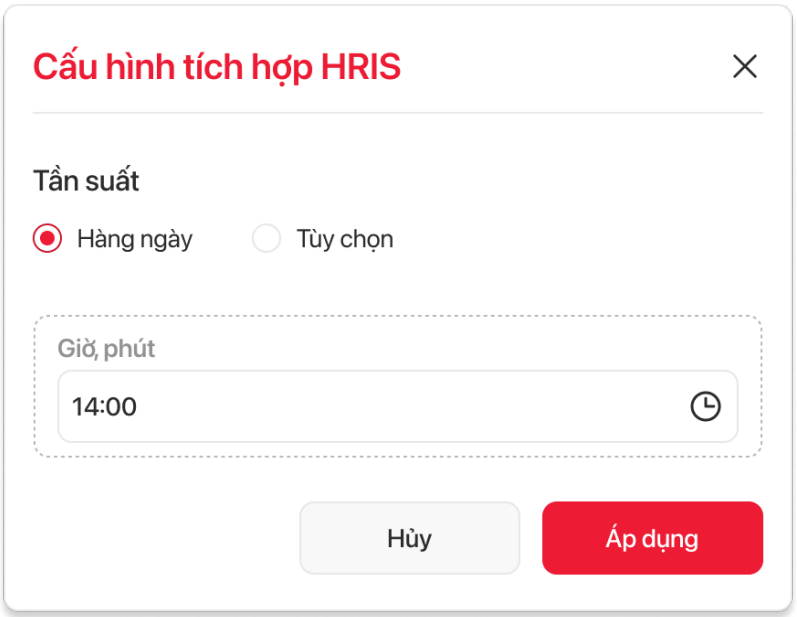

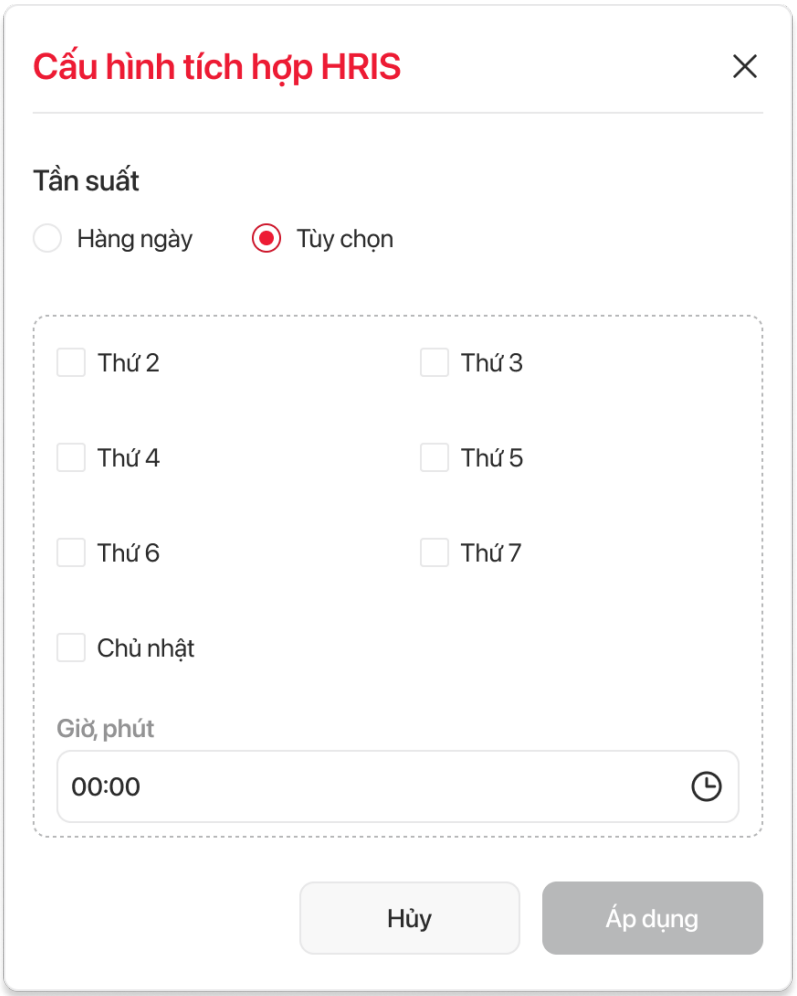

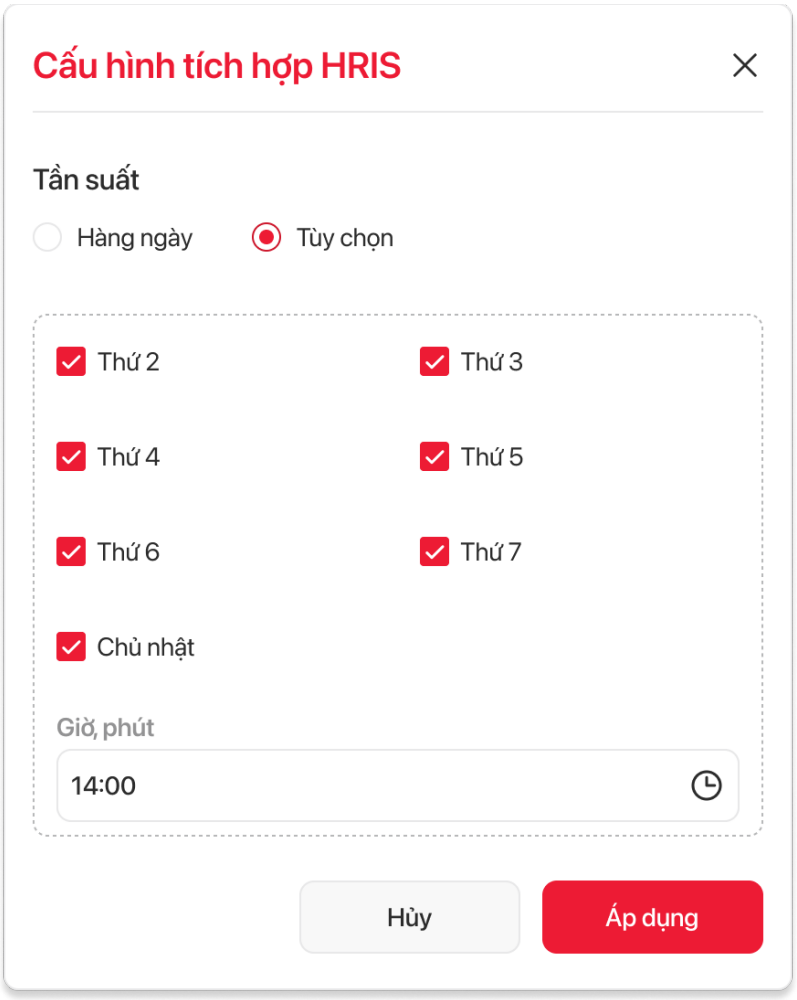

3.1.4. Màn hình pop-up **Xác nhn ng b d liu**

3.1.6. Màn hình pop-up **Cnh báo**

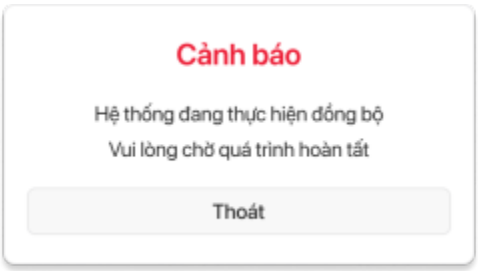

3.1.6. Màn hình pop-up **ng b tht bi**

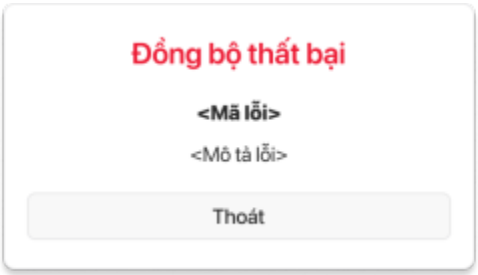

3.2. Lung:

Mô t s tích hp gia các thành phn ca h thng BPM1, trong ó 2 hình ch nht màu xanh là tích hp mi cho h thng HRIS vi service tích hp ca h thng BPM1

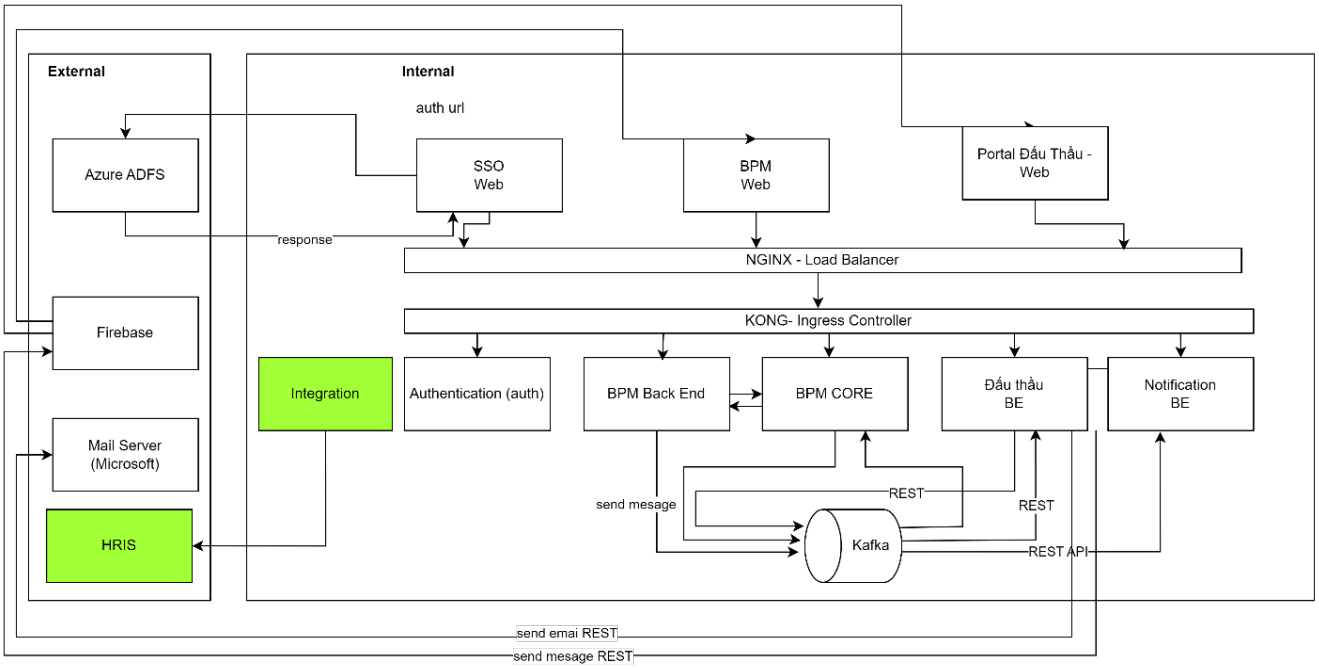

3.3. API Spec: BPM1_Giai phap tich hop HRIS.docx

API ng b Hris - service Integration gi Hris

Method	POST	**URL**	/integration/hris/sync
Description	API ly thông tin nhân viên t Hris		
Note	API mi		

3.3.3.1. Headers

STT	Field	Source Data Type / Length	Description	Sample Values
1	authorization	<token>	Token ca ngi dùng ng nhp	Bearer eyJhbGciOiJIUzI1NiJ9. eyJleHAiOjE3NjY0NTU3ODksInVzZXIiOiJ7XCJpZFwiOjIwMjAsXCJ1c2VybmFtZVwiOlwiMDM3NDc4ODQwNVwiLFwibmFtZVwiOlwiQ2h1IFRo4buLIExpw6puXCIsXCJyb2xlc1wiOltdLFwibWFwQmVhdXR5U2Fsb25cIjp7XCJicG0uc3JuLnZuXCI6Nn0sXCJlbXBsb3llZUlkXCI6NTMxLFwiYnJhbmNoSWRcIjoyM30ifQ.wrvIFd-Q2kHgkTmPf6ryMY6aDIgXpNsWmSvvifQWc5k

3.3.3.2. RequestParam

STT	Field	Require	Data Type / Length	Description	Note	Sample Values
1	from	true	String	ngày hin ti		nh dng (2025-12-06)

3.3.3.3. Response / Incoming Data Specification

STT	Field	Data Type / Length	Description	Note	Sample Values
1	code	Integer	0: thành công còn li tht bi		
2	message	String	message		
3	result	String	Thông tin ng b		

API ng b Hris - service Integration y d liu system

Method	POST	**URL**	/integration/hris/sync
Description	API ly thông tin nhân viên t Hris		
Note	API mi		

3.3.3.1. Headers

STT	Field	Source Data Type / Length	Description	Sample Values
1	authorization	<token>	Token ca ngi dùng ng nhp	Bearer eyJhbGciOiJIUzI1NiJ9. eyJleHAiOjE3NjY0NTU3ODksInVzZXIiOiJ7XCJpZFwiOjIwMjAsXCJ1c2VybmFtZVwiOlwiMDM3NDc4ODQwNVwiLFwibmFtZVwiOlwiQ2h1IFRo4buLIExpw6puXCIsXCJyb2xlc1wiOltdLFwibWFwQmVhdXR5U2Fsb25cIjp7XCJicG0uc3JuLnZuXCI6Nn0sXCJlbXBsb3llZUlkXCI6NTMxLFwiYnJhbmNoSWRcIjoyM30ifQ.wrvIFd-Q2kHgkTmPf6ryMY6aDIgXpNsWmSvvifQWc5k

3.3.3.2. RequestBody

STT	Field	Require	Data Type / Length	Description	Note	Sample Values
1	List<Employee>	true	String	danh sách các bn ghi employee		
2	(Employee) ID	fa;se	String			
3	(Employee) ID_RCD	true	String	id record Hris		
4	(Employee) EMPLID	true	String	id employee hris		
5	(Employee) EMPL_RCD	true	String			
6	(Employee) NAME	true	String	tên nhân viên		
7	(Employee) EMAIL	true	String	mail nhân viên		
8	(Employee) JOB_INDICATOR	true	String	Công vic chính/ ph có 2 giá tr: P (chính), S (ph)		
9	(Employee) MA_CHUC_DANH	true	String	mã chc danh		
10	(Employee) CHUC_DANH	true	String	tên chc danh		
11	(Employee) PHONG_BAN	true	String	tên phòng ban		
12	(Employee) MA_PHONG_BAN	true	String	mã phòng ban		
13	(Employee) BAND	true	String			
14	(Employee) HAM	true	String			
15	(Employee) DV_C1	true	String	tên n v cp 1 (tên công ty)		
16	(Employee) MA_DV_C1	true	String	mã n v cp 1 (mã công ty)		
17	(Employee) MA_DV_C2	true	String	tên n v cp 2		
18	(Employee) DV_C2	true	String	mã n v cp 2		
19	(Employee) MA_DV_C3	true	String	tên n v cp 3		
20	(Employee) DV_C3	true	String	mã n v cp 3		
21	(Employee) DV_C4	true	String	tên n v cp 4		
22	(Employee) MA_DV_C4	true	String	mã n v cp 4		
23	(Employee) DV_C5	true	String	tên n v cp 5		
24	(Employee) MA_DV_C5	true	String	mã n v cp 5		
25	(Employee) HR_STATUS	true	String	Trng thái nhân s: A (active), I (inactive)		
26	(Employee) MA_CA_LV	true	String	mã ca làm vic		

3.3.3.3. Response / Incoming Data Specification

STT	Field	Data Type / Length	Description	Note	Sample Values
1	code	Integer	0: thành công còn li tht bi		
2	message	String	message		

Phn cu hình ng b và danh sách lích s ng b tng t nh phn SAP: 4304 - User Story- SAP v BPM- ng b thông tin d án tng th nh phn ng b d án nh thay type = HRIS_EMPLOYEE

3.4. Mô t HRIS API:

HRIS cung cp API tr v danh sách toàn b nhân s theo ngày.

- Nhân s mi onboard
- Nhân s thay i v trí công vic.
- Nhân s ngh vic

Các trng d liu c mô t chi tit theo tài liu mô t API.

- **Cp nht d liu**

Lung cp nht d liu thông qua các bc sau:

- To bng Employee trên database Integration óng vai trò lu tr d liu ly v t HRIS theo ngày.
- Bng integrations.employee c s dng làm ni lu tr tm thi d liu nhân s mi ly v t h thng HRIS.
- D liu c ly theo tng t (theo ngày hoc batch c th).
- Mc tiêu: so sánh vi d liu hin có trong h thng xác nh cn thêm mi hay cp nht.
- T d liu mi t HRIS, sánh vi d bng d liu ã có trong employee thuc service system.
- Trng hp bng ghi mi:
- Có employee_id cha tn ti thì thêm mi vào bng employee (thuc service system)
- Trng hp employee ã tn ti employee_id và v trí công vic trong bng integration.employee ã tn ti trong system.employee thì:
- Tin hành cp nht thông tin ã thay i (so sánh giá tr tng trng).
- Có th ch cp nht mt s trng nh v trí công vic, n v cp 1, n v cp 2, …
- HR status t A i sang I là ã ngh vic

3.5. Mô t các trng d liu trên màn hình:

3.5.1. Màn hình danh sách Tích hp HRIS

	Trng d liu	Kiu d liu	Bt buc	Quy nh	Mô t

1	STT	S (Number)	Không bt buc	• Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).
				• H thng t ng gán STT theo thi gian ng b gn nht:
				  ◦ Giao dch ng b gn nhn STT nh hn
				  ◦ Giao dch ng b gn xa hn nhn STT ln hn.
					Th hin th t các bn ghi lch s ng b trên màn hình "Tích hp HRIS"

2	Thi gian bt u	Thi gian (date-time)	Không bt buc	• Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa). • Ngun d liu: Ly theo d liu khi h thng bt u vic ng b thông tin	Th hin thi gian bt u ng b thông tin t HRIS
3	Thi gian kt thúc	Thi gian (date-time)	Không bt buc	• Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa). • Ngun d liu: Ly theo d liu khi h thng bt u vic ng b thông tin	Th hin thi gian kt thúc ng b thông tin t HRIS

4	Ngi ng b	Vn bn (Text)	Không bt buc	• Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).
				• Quy tc hin th:
				  ◦ Trng hp 1: H thng t ng b
				  ▪ Hin th giá tr trng: "H thng".
				  ◦ Trng hp 2: Ngi dùng thao tác ng b
				  ▪ Hin th giá tr trng là *Mã - H tên* ca nhân s thao tác ng b tng ng, ly theo d liu ng b t HRIS tr v.
					Th hin tên ngi thc hin ng b d liu (H thng hoc tên nhân viên tng ng)

5	Trng thái	Vn bn (Text)	Không bt buc	• Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).
				• Giá tr trng thái gm 3 giá tr và ý ngha nh sau:
				  ◦ Thành công: Quá trình ng b thông tin ã hoàn tt và không phát sinh li.
				  ◦ Tht bi: Quá trình ng b không thành công/xy ra li. Quy tc hin th:
				Trng hp 1: Li ng b quy nh mã gia hai h thng
				▪ **iu kin:**
				• Li ng b gia hai môi trng.
				▪ **Hành vi h thng:**
				• Hin th trng thái Tht bi
				• Tr v thông tin li tng ng (cha có thông tin)
				Trng hp 2: Li ng b do h thng ang x lý tin trình khác (ng b t ng xy ra trong lúc vi h thng ang thc hin ng b th công)
				▪ **iu kin:**
				• H thng ang x lý mt tin trình ng b/tác v liên quan khác ti cùng thi im
				▪ **Hành vi h thng:**
				• Không thc hin tin trình ng b mi
				• Trng thái: "Tht bi"
				• Mã li: "153"
				• Mô t li: "ng b t ng không th thc hin do h thng ang x lý ng b th công."
				  ◦ ang thc hin: Quá trình ng b thông tin ang tin hành và cha có kt qu cui cùng.
					Th hin trng thái ng b thông tin t HRIS

6	Mã li	ng dn (Hyperlink)	Không bt buc	• Cho phép ngi dùng nhn m ra màn hình pop-up "ng b tht bi". ◦ Màn hình pop-up "ng b tht bi": tham chiu **mc 3.5.6. Màn hình pop-up "ng b tht bi".** • Th hin mã li "99" tr v vi trng thái tht bi	Th hin mã li h thng tr v khi ng b tht bi
7	Nút "Lc"	Nút chc nng (Button)	Không bt buc	Cho phép ngi dùng nhn m ra màn hình pop-up "B lc" ◦ Màn hình pop-up "B lc": tham chiu **mc 3.5.2. Màn hình pop-up "B lc".**	Th hin nút chc nng b lc
8	Nút "Cu hình"	Nút chc nng (Button)	Không bt buc	Cho phép ngi dùng nhn m ra màn hình pop-up "Cu hình tích hp HRIS" ◦ Màn hình pop-up "Cu hình tích hp HRIS": tham chiu **mc 3.5.3. Màn hình pop-up "Cu hình tích hp HRIS".**	Th hin nút chc nng cu hình tích hp/cu hình lch ng b
9	Nút "ng b ngay"	Nút chc nng (Button)	Không bt buc	Cho phép ngi dùng nhn m ra màn hình pop-up "Xác nhn ng b d liu" ◦ Màn hình pop-up "Xác nhn ng b d liu": tham chiu **mc 3.5.4. Màn hình pop-up "Xác nhn ng b d liu".**	Th hin nút chc nng ng b d liu ngay lp tc theo thi gian hin ti

3.5.2. Màn hình pop-up "B lc"

	Trng d liu	Kiu d liu	Bt buc	Quy nh	Mô t
1	Khong thi gian	Ngày tháng nm (Date picker)	Không bt buc	Cho phép ngi dùng chn khong thi gian t ngày n ngày ng b	Th hin thi gian lc t ngày n ngày
2	Ngi ng b	La chn (Droplist)	Không bt buc	• Cho phép ngi dùng chn ngi thc hin ng b • Danh sách d liu hin th c ly: ◦ "H thng" ◦ Ngi dùng thao tác ng b, thông tin *Mã - H tên* ca nhân s theo d liu ng b t HRIS tr v.	Th hin ngi thc hin ng b thông tin t HRIS
3	Trng thái	La chn (Droplist)	Không bt buc	Cho phép ngi dùng chn giá tr trng thái tng ng: ◦ Thành công ◦ Tht bi ◦ ang thc hin ◦ Tt c (Khi ngi dùng không chn s mc nh)	Th hin trng thái ng b thông tin t HRIS
4	Mã li	Vn bn (Text)	Không bt buc	Cho phép ngi dùng nhp mã li ng b thông tin không thành công	Th hin thông tin mã li khi ng b thông tin t HRIS
5	Nút "X"	Nút chc nng (Button)	Không bt buc	• Cho phép ngi dùng nhn hy b thao tác lc. • Khi nhn, màn hình pop-up "B lc" óng li.	Th hin nút chc nng hy b thao tác lc.
6	Nút "t li"	Nút chc nng (Button)	Không bt buc	• Cho phép ngi dùng nhn t li tt c tiêu chí lc v trng thái mc nh ban u. • Hành vi h thng khi ngi dùng nhn nút "t li" nh sau: ◦ Hành vi 1: Toàn b các trng trên màn hình pop-up "B lc" s c chuyn v giá tr mc nh ban u. ◦ Hành vi 2: Màn hình pop-up "B lc" vn c gi trng thái m ngi dùng có th tip tc thao tác.	Th hin nút chc nng t li tt c tiêu chí lc v trng thái mc nh ban u.
7	Nút "Áp dng"	Nút chc nng (Button)	Không bt buc	• Cho phép ngi dùng nhn áp dng nhng tiêu chí lc ã chn. • Hành vi hin th kt qu h thng khi ngi dùng nhn nút "Áp dng" nh sau: ◦ Trng hp 1: Không chn bt k tiêu chí lc nào: ▪ H thng vn cho phép ngi dùng nhn nút “Áp dng”. ▪ Sau khi nhn, h thng óng pop-up nhng không thc hin lc. ▪ Màn hình "Tích hp HRIS" vn gi nguyên d liu nh trc khi thao tác. ◦ Trng hp 2: Chn mt hoc nhiu tiêu chí lc: ▪ H thng vn cho phép ngi dùng nhn nút “Áp dng”. ▪ Sau khi nhn, h thng óng pop-up và thc hin lc theo toàn b các tiêu chí mà ngi dùng ã chn. ▪ Màn hình "Tích hp HRIS" c cp nht và hin th theo úng nhng tiêu chí ngi dùng ã chn.	Th hin nút chc nng áp dng tiêu chí lc c chn

3.5.3. Màn hình pop-up "Cu hình tích hp HRIS"

	Trng d liu	Kiu d liu	Bt buc	Quy nh	Mô t

1	Nút óng (X)/ Nút "Hy"	Nút chc nng (Button)		• Cho phép ngi dùng nhn hy b thao tác cu hình tích hp. • Khi nhn, màn hình pop-up "Cu hình tích hp HRIS" óng li.	Th hin nút chc nng hy b thao tác cu hình
2	Tn sut	Nhãn hiu (Label)		Ch c chn 1 trong 2 giá tr tn sut ng b thông tin t HRIS: ○ Hàng ngày ○ Tùy chn	Th hin tn sut ngi dùng chn ng b thông tin t HRIS
3	Hàng ngày	Nút chn (Radio Option)		Khi chn Nút "Hàng ngày", h thng s hin hp thi gian chn thi im thc hin ng b thông tin khon mc phí, theo kiu thi gian time picker nh dng HH:mm (24h). ○ H thng mc nh thi gian là 00:00	Th hin thi gian ng b thông tin t HRIS c chn trong ngày
4	Tùy chn	Nút chn (Radio Option)		Khi chn nút "Tùy chn", h thng s hin: ○ Các checkbox group thi gian t th 2 n ch nht: Ngi dùng có th chn thi gian ngày thc hin ng b thông tin. Khi chn nút "Tùy chn" h thng mc nh chn tt c các ngày ○ Hp thi gian: Ngi dùng có th chn thi im thc hin ng b thông tin, theo kiu thi gian time picker nh dng HH:mm (24h). ▪ H thng mc nh thi gian là 00:00	Th hin thi gian ng b thông tin t HRIS các ngày c chn trong tun
5	Nút Áp dng	Nút chc nng (Button)		• Cho phép ngi dùng nhn áp dng thi gian cài t cu hình t ng mi. • Khi ngi dùng nhn nút "Áp dng", h thng cài t thi gian cu hình t ng.	Th hin nút chc nng áp dng thi gian cài t cu hình t ng mi

3.5.4. Màn hình pop-up "Xác nhn ng b d liu"

	Trng d liu	Kiu d liu	Bt buc	Quy nh	Mô t
1	Bn có chc chc mun ng b d liu HRIS?	Nhãn hiu (Label)			Th hin vn bn thông báo
2	Nút "Tôi chc chn"	Nút chc nng (Button)		• Cho phép ngi dùng nhn thc hin ng b thông tin t HRIS • Khi ngi dùng nhn nút "Tôi chc chn" trong lúc vi h thng ang thc hin ng b song song tin trình khác (Thao tác ca ngi dùng xy ra trc h thng t ng hoc ang thc hin ng b th công tip tc nhn th công na). Khi nhn s xut hin pop-up "Cnh báo" ○ Màn hình pop-up "Cnh báo": tham chiu **mc 3.5.5. Màn hình pop-up "Cnh báo".**	Th hin nút chc nng thc hin ng b thông tin t HRIS theo cu hình hin ti
3	Nút "Hy"	Nút chc nng (Button)		Cho phép ngi dùng nhn hy b thao tác ng b ngay	Th hin nút chc nng hy b thao tác ng b ngay.

3.5.5. Pop-up "Cnh báo"

	Trng d liu	Kiu d liu	Bt buc	Quy nh	Mô t
1	H thng ang thc hin ng b. Vui lòng ch quá trình hoàn tt.	Nhãn hiu (Label)			Th hin vn bn cnh báo
2	Nút "Thoát"	Nút chc nng (Button)		Cho phép ngi dùng nhn óng màn hình pop-up	Th hin nút chc nng óng màn hình pop up

3.5.6. Pop-up "ng b tht bi"

	Trng d liu	Kiu d liu	Bt buc	Quy nh	Mô t
1	<Mã li> <Mô t li>	Nhãn hiu (Label)			Th hin vn bn thông báo
2	Nút "Thoát"	Nút chc nng (Button)		Cho phép ngi dùng nhn óng màn hình pop-up.	Th hin nút chc nng óng màn hình pop up

Bng mã li

	Mã li	Mô t li
1	153	"ng b t ng không th thc hin do h thng ang x lý ng b th công."
2	162	"ng b HRIS Employee tht bi: <log h thng>."

3	163	"Gi HRIS b timeout (không nhn phn hi kp thi)."
4	164	"DNS li khi gi HRIS: <log h thng>."
5	165	"Không kt ni c ti HRIS: <log h thng>."
6	166	"Li mng khi gi HRIS: <log h thng>."
7	167	"Parse d liu HRIS tht bi: <log h thng>."
8	168	"Có li không mong mun khi gi/x lý HRIS: <log h thng>."
9	169	"Gi system tht bi, HTTP: <code>."
10	170	"Lu/gi employee tht bi: <log h thng>."
11	171	"Không parse c response JSON: Hris tr v d liu nhng b li nh dng."